

## KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

### *QUYỂN 2* (Phần cuối)

Từ “Các căn không đủ v.v...” trở xuống là trình bày về phẩm Không. Văn chia làm hai:

Một là ba bài rưỡi là nói về điều ác bị dứt bỏ. Tức là văn nói về ba thứ chương. Hai bài rưỡi tiếp theo là nói về phương pháp năng phá. Tức là văn hiện nay. Nhưng, giải thích xong một bài rưỡi, Tiên sư lại y theo khai chương đầu tiên lấy một bài cuối làm bốn sự kết thành. Nhưng lấy nghĩa thành phân chương mà chia như sau:

Một là Chia kinh lập ý để thuận với trùng khoa nói là: “Năng không”.

Hai là “Trước v.v...” trở xuống là y theo ý để giải thích kinh, gồm có:

Một là Lập ý. Nhưng tức là tạ. Lại, trừ tai ương là tế.

Hai là “Tẩy v.v...” trở xuống là giải thích kinh, có hai:

Một là Giải thích về ba câu trước: Vì muốn biết trí ở tại lời nói nên lấy việc nghe kinh làm Bát-nhã. Lại nữa, vì nghe kinh có trí tuệ, vì tâm có nhiệm ô nên dụng không tự tại. Nay đã thanh tịnh nên thành tựu sự giải thoát.

Hai là “trước khiến cho v.v...” trở xuống là giải thích ba câu sau: Cảnh của dốc lòng tức là hành xứ sâu xa. Nếu không nghĩ đến nơi ấy thì làm sao được gọi là dốc lòng?

Kế là “Phù v.v...” trở xuống là khuyến tín, có hai:

Một là y theo thân để trình bày về loại. Ba nghiệp đời nay là thân của biểu pháp. Nó vốn là thân máu huyết không sạch, kể là nêu lên hai ví dụ là gỗ thơm Chiên-đàn và Cây Y-lan có mùi hôi. Đại kinh nói rõ trường hợp vua A-xà-thế gây ra tội. Sau khi được thấy Phật, tội được tiêu trừ nên vua liền tự bày tỏ rằng: “Con thấy ở thế gian, từ hạt Y-lan mà sinh ra cây Y-lan, chứ chưa hề thấy Y-lan mà mọc cây Chiên-đàn. Hôm nay, con mới thấy từ hạt Y-lan mà sinh ra cây Chiên-đàn. Hạt Y-

lan là con. Cây Chiên-đàn là Vô căn tín trong tâm con”.

Hai là “Nay v.v...” trở xuống là y theo hạnh để mong cầu. Tuy ba nghiệp là gần mà ba đức là xa, nhưng nếu hành giả tu đúng khuôn phép thì sẽ thành tựu cái xa ngay nơi cái gần. Quy (hình) tròn, Cũ (hình) vuông. Mạnh Tử nói: “Thọ giỏi dạy người phải dùng khuôn phép”.

Kế là “Tỷ v.v...” trở xuống là Hạnh thành phá được chướng. Nếu đối với tám gọi v.v... mà không có sự quán sát của ba đức thì làm sao từ tạ tội ác của ba chướng?

Kế nữa là “Tự là v.v...” trở xuống là kết thành, có ba:

Một là Phân tiết để chỉ bày văn kinh.

Hai là “Năng v.v...” trở xuống chính là giải thích nghĩa kinh.

Ba là “Tịch v.v...” trở xuống là nói chi tiết về ý kinh, có bốn:

Một là Y theo văn hiện nay để chỉ bày về pháp: Tịch diệt là âm Hán. Niết-bàn là tiếng Phạm. Danh từ Niết-bàn mời gọi thể của ba đức. Vì vậy, chúng ta biết rằng Tịch diệt là sự thành tựu của ba đức.

Hai là “Trước v.v...” trở xuống là y theo hạnh thành thì đức hiển. Ba nghiệp đã tu tập hạnh của kinh Kim Quang Minh, thành trì khế hợp với lý của ba đức. Tu ở Danh tự quán hạnh tương tựa, đến giai vị phần chân đều đạt được gọi là chuyển chướng thành đức. Nếu không như vậy thì lẽ nào lại nói là thực hành kinh Phương đẳng?

Ba là “Báo v.v...” trở xuống là nói về sự chuyển chướng thành đức.

Bốn là “Trước gửi v.v...” trở xuống là nói kinh khéo léo khó hiểu được.

Kế là nói về lưu thông nói rõ giáo tướng: Sở chỉ đại lược ở trên.

Kế là Nói về niệm nghi, có hai:

Một là Giải thích tựa đề của phẩm Thọ Lượng.

Hai chính là giải thích, có hai:

- Y theo ba vị Phật khó suy nghĩ để giải thích như sau:

Một là Phật vốn không có ba, chẳng những chỉ có Phật thuộc về pháp thân chẳng có thân, tuổi thọ mà ngay cả Báo và Ứng cũng không thể nói là ba. Vì, tất cả các pháp lìa tướng danh tự, nói năng.

Hai là “tùy thuận v.v...” trở xuống là tùy thế gian mà lập. Nếu chúng sinh có nhân duyên được lợi ích thì chư Phật liền tùy theo thế gian mà lập ra các danh, tướng. Chẳng những chỉ có Đức Phật thuộc Ứng thân là có lập ra thân và tuổi thọ mà ngay cả Pháp thân và Báo thân cũng có thể nói về ba loại này. Chúng ta phải biết rằng dầu không có ba nhưng không thể bớt một pháp nào. Tuy lập ra ba nhưng ba cũng

không làm tăng thêm một pháp nào. Bởi hữu và Vô đều là Pháp giới. Vì vậy, Chân thì không, tục thì có, chân thì có, tục thì không, đều là Tất-đàn, đều làm cho ba thân đạt được bốn lợi ích. Văn ở đây chia làm hai:

Một là nêu ba thứ thân, mỗi thứ đều có ba thân.

Hai là giải thích ba Đức Phật, ba nghĩa, có hai:

Một là y theo nghĩa để phân biệt, có hai:

Một là Y theo tính chất dùng nhiếp, chính là của lý mà lại theo hai của tu, một của tánh khiến cho nghĩa dễ sáng tỏ. Pháp là Bốn giác, Báo là Thỉ giác. Thỉ Bốn hợp nhất mới có dụng của Ứng. Nói lượt đầu thì dường như Đọc. Người nói thì nên dùng đoạn văn chẳng phải Đọc, chẳng phải Ngang của tính chất dung nhiếp khéo thể hội ý nghĩa này. Đoạn văn “Khiến cho người nghe biết được ba thân viên mãn” gồm có:

Một là “Pháp thân v.v...” trở xuống là Đức Phật của Pháp, có hai:

Một là Giải thích riêng, có ba:

Một là Thân: Trí thuộc quả báo của Thỉ giác y theo Bốn giác mà thành. Vì vậy, Tiên sư dùng Pháp tánh làm thầy, nghiên cứu đến cùng cực thì Thỉ và Bốn vốn chỉ là một giác. Vì vậy, “Lại lấy pháp tánh làm thân”, cho nên ngài Mã Minh quy mạng Tam bảo. Tức là lấy thân Phật và Thể tướng v.v... làm pháp bảo. Các thứ thân ấy chẳng phải là thân được thu nhiếp bởi ba khoa là phần đoạn, Biến dịch, Sắc chất và Tâm trí. Chúng là do sự tu tập của các pháp năm ấm, v.v... thuộc thường trụ. Pháp này chẳng có tướng, chẳng thể nói khai thí. Vì chúng sinh nên Đức Phật gắng gượng gọi là Pháp thân.

Hai là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là nói về thọ lượng: Sắc và tâm hòa hợp liền có quả báo tuổi thọ được giữ gìn nối tiếp. Thân đã chẳng phải ấm thì lẽ nào lại có mạng căn? Vì vậy mà gắng gượng chỉ bày rằng không dời đổi là tuổi thọ.

Ba là “Tuổi thọ này v.v...” trở xuống là nói về Lượng: Vì lượng y theo thân và thọ nên cũng đồng với sự gắng gượng.

Kế là “Đây tức là v.v...” trở xuống là giải thích chung. “Thân, Thọ và Lượng ở trên nói là chẳng phải là không vô”: Nếu y theo văn tiếp theo thì nghĩa hợp với “Cả hai đều không”. Vì Pháp thể của thọ lượng lìa hai bên và vượt hẳn Báo và Ứng. Gắng gượng đối với lý này mà lập ba thứ danh tự là Thân, Thọ và Lượng khiến cho chúng sinh mất tình thức.

Kế là “Báo thân v.v...” trở xuống là nói về Đức Phật của Báo, có như sau:

- Xưng Pháp có Báo, có hai:

Một là Dẫn kinh: Ở đây y theo sự thuận tu xứng hợp với lý Sự mà nói. Cái cảm được do tu hành giải thích nghĩa của Báo. Văn của Pháp Hoa chứng minh cho vấn đề báo của trí đức. Vì kinh ấy nói: “Ánh sáng của trí tuệ chiếu sáng vô lượng”. Nên văn của Niết-bàn chứng minh cho báo thuộc đức dứt, vì nói là đại Niết-bàn.

Hai là “Như v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa Báo của hai thứ do tu hành cảm được, đó là sự hợp nhất của Thỉ giác và Bản giác. Tức là lấy Thỉ và Bản làm Cảnh trí. Vì hai thứ giác ấy chẳng phải hai nên gọi là Như. “Mỗi loại đều hai Như”: Vì Như của Trí như Cảnh, Như của Cảnh như Trí. Lại gọi Bồ-đề là Như Như trí, làm chủ thể thâm hợp với Pháp tánh gọi là đối với Cảnh của Như như làm sự thâm Ứng hợp thuộc chủ thể lấy sự hợp nhất của nắp và hợp ở trước dụ cho nghĩa của tương xứng. Tuy nắp và hợp hợp nhau nhưng vẫn còn khe hở. Lại dùng nước và sữa dụ cho sự âm thâm. Đây là sự biến mất cả mà thành một tướng. Nghĩa của Thỉ giác và Bản giác là hai, nhưng Thể chỉ là một, thật sự giống như hai ví dụ đó.

Kế là “pháp thân v.v...” trở xuống là nói về sự y theo Báo mà lập ra ba loại: Tức là Thân, Tuổi thọ và Lượng. “ Trong ba thứ ấy, mỗi loại đều nói Pháp thân”. Vì sự thâm hợp của trí thuộc Báo vốn lia pháp không có Báo cho nên là thân đầu tiên. “Nói không có thân”: Chẳng phải là Đức Phật thuộc Ứng không có thân thuộc phần hạn. “Không phải không có thân”: Chẳng phải Đức Phật thuộc Báo không có cái thân phần hạn. Lại nữa, không có thân tức là Phi hữu. Chẳng phải không có thân tức là Phi không. Pháp thân của Trung đạo là thể của Bản giác. Thỉ giác thâm hợp với điều đó, chủ thể thâm hợp cũng mất vì tự thành phép quán nên gượng gọi là Báo trí.

Kế là Thọ.

Kế là Lượng.

Tất cả đều như cái hang, tiếng vọng; lớn hay nhỏ là tùy theo âm thanh. Vì vậy, cả ba thứ này đều gọi là giống thuộc Ứng.

Kế tiếp là “Trí cùng v.v...” trở xuống là nói về y theo hai mà có Ứng, có ba:

Một là Pháp: Bất giác mất chỗ. Thỉ và Bản như một. Vì vậy, nói là trí cùng thể thâm kế hợp. Vì thể của giác tự tại nên nói rằng “Có năng lực khởi phát công dụng vượt hơn”.

Hai là “Như nước v.v...” trở xuống là dụ cho vàng thật màu sắc tốt nhất: Phải hòa với thủy ngân mới bôi vào vật. Nếu thiếu một điều kiện ấy thì Vàng không có công dụng của bôi.

Ba là “Công đức v.v...” trở xuống là hợp công đức của Báo Trí để hợp với thủy ngân. pháp thân hợp với Vàng. Ứng hiện khắp nơi hợp với bôi vào sắc tượng.

Kế là “Có thể làm v.v...” trở xuống là nói về Ứng thân hiện hữu khắp cả ba vùng đất, có hai:

Một là nói về cả Báo và Ứng.

Hai là “Có lượng v.v...” trở xuống là chỉ khai thị về Ứng thân. “Nghĩa đầu tiên”: Báo do ở trên nói là chỉ nói về sự thâm hợp với pháp. Tức là Thọ dụng. Vàng là nói về sự hiện ra Ứng để người khác thọ dụng, là Ứng thuộc thường trụ. Vì vậy mà nói về cả Thân và Phi thân v.v... Thân tức là Sinh thân, vì có tướng của phần hạn nên gọi là Thân. Phi thân là Báo. Vì không có phần hạn nên gọi là Phi thân. Tiểu Bát-nhã nói: “Phật nói không có thân mới gọi là thân lớn”. Thân lớn tức là thân thuộc Tha thọ dụng. Vì thân không có phần hạn thì cho mạng là thường hằng nên là vô lượng. Tuổi thọ của thân có phần hạn thì vô thường nên có hạn lượng. Hai dụng của Ứng này là y theo hai lý của Chân và Trung mà trụ. Căn cơ thì y theo hai thức của Sự Nghiệp mà thấy. Vấn đề trụ lý rộng thì như sự giải thích của văn bản thuộc phẩm Trụ.

Hai là tức được trình bày rõ trong luận Khởi Tín. Vì ý luận quan trọng là ở Sự thức, vì nếu thấy thì nắm lấy phần hạn của sắc nên gọi là Ứng Phật. Nếu Nghiệp thức thấy thì sẽ lia bỏ tướng của phần hạn. Vì vậy, đó là Báo thân. Hành giả nên biết rằng thân thường hằng nhiều vô lượng, Ứng với cả ba vùng đất. Vô thường có lượng chỉ Ứng với Đông cư. Vì sao? Vì căn cơ của thật báo chứng từng phần nên chỉ nói về thân tha thọ dụng. Hành giả của cõi phương tiện chỉ nhờ vào Biệt và Viên. Tướng Đức Phật mà họ thấy tuy nhỏ nhưng chẳng phải Sinh thân mà đều là Phật thuộc báo. Nếu cõi Đồng cư có Cơ thuộc bốn thứ giáo thì người căn cơ Biệt và Viên sẽ thấy được Phật thuộc báo. Vì vậy, Pháp Hoa nói rõ là thường ở tại Linh Sơn. Hoa Nghiêm nói pháp đến cùng tận thời gian vị lai. Và các vị Đại thừa thì được thân tôn đặc của Pháp tánh ngay nơi ứng tượng. Vì vậy, chúng ta biết rằng thân thường hằng ứng hiện khắp cả ba vùng đất, nếu là thân vô thường thì chỉ ứng hiện ở Đồng cư để đáp ứng với căn cơ thuộc Tạng và Thông cùng với chúng phàm phu. Nghĩa tiếp theo chia làm hai.

Một là Nói về hai nghĩa của Hữu lượng: “Ngoài Tự thọ dụng lại

có thân ở ba vùng đất” đã được nói trên kia đều gọi là Ứng thân. Tha thọ dụng khác của nó tuy y theo căn cơ để gọi là Ứng thân, nhưng đó là sự chiêu cảm của Thật nhân khắc phục mà gọi là Báo, chứ chẳng phải là dụng sai biệt hợp với căn cơ. Nếu nói về sự trực vật, tùy duyên, ngắn dài so le, Thân, Thọ và lượng thì phải đặt chân ở dụng thuộc vô thường của Đồng cư. Vì vậy, nay nêu riêng về tướng của Ứng thân. Nhưng, ở nơi hữu lượng mà mở ra hai thứ Lượng. Vì hai thứ lượng này y theo Dẫn không của Sự thức để thấy nên chỉ thuộc về vô thường. Nếu y theo Bất không thuộc Nghiệp thức mà thấy thì ngay nơi toàn thể vô thường là thường. Như vậy thì hai dụng thường và vô thường cũng chính là lẫn nhau, hai con chim cùng bay đi. Nếu là hai vùng đất trên thì Cơ dừng, Ứng chuyển, cũng là vô thường. Vì chẳng phải là tám tướng mà lại nói là Thường. “Bảy trăm v.v...”: Kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội nói:

“Bồ-tát Kiên Thủ hỏi:

- Đức Phật sống được bao lâu?

Đức Phật bảo Bồ-tát ấy:

- Đi về hướng Đông, qua ba mươi hai ngàn cõi Phật, ở cõi nước Trang nghiêm, hỏi Đức Phật Chiếu Minh Trang Nghiêm Tự Tại Vương.

Đức Phật ấy đáp:

- Tuổi thọ của ta cũng giống như Đức Phật Thích-ca, ông muốn biết ư? Ta sống đến bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp.

Bồ-tát Kiên Thủ trở lại cõi Ta-bà bạch với Phật.

A-nan nói:

- Đức Phật ấy là tên gọi khác của Đức Phật Thích-ca.

Tuy căn cơ thù thắng thấy lâu dài, nhưng bảy trăm vẫn còn có thể đếm. Vì vậy, cũng là lượng của hữu lượng. Nếu là người và trời của Phật A-di-đà thì chẳng thể đếm. Vì vậy, tuổi thọ của họ là vô lượng của hữu lượng.

Kế là “Ứng Phật v.v...” trở xuống là kết Ứng Phật cũng giống như vậy: Đức Phật nào cũng đều đã Ứng viên mãn ba thứ thân. Ứng thân vào chúng sinh kia, tuổi thọ của chúng sinh có dài ngắn thì lẽ nào Đức Phật lại không thuận theo mỗi loại chúng sinh mà thị hiện hai thứ lượng. Vì vậy, Đức Phật A-di-đà hiện dài mà cũng có thể hiện ngắn. Đức Thích-ca hiện ngắn nhưng cũng có thể hiện dài, cho nên, Đại luận quyển ba mươi sáu chép: “Nên nhớ rằng Đức Phật Thích-ca cũng có cõi nước thanh tịnh như cõi Phật A-di-đà. Đức Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như cõi Phật của Đức Thích-ca”.

Lại nữa, quyển ba mươi tám: “Vì cõi Diêm-phù này xấu ác nên Đức Phật Thích-ca ứng hiện ngắn, vì các nơi khác tốt đẹp nên tuổi thọ của Phật Ứng hiện dài”. Vì lẽ đó, phẩm thứ ba mươi hai kinh Niết-bàn nói: “Phương Tây cách đây ba mươi hai hằng hà sa, có cõi nước Vô thắng. Những sự trang nghiêm mà cõi nước ấy có được giống như thế giới Cực lạc. Ta từ cõi nước ấy mà xuất hiện ở thế gian”. Đó đều là tùy theo căn cơ chúng sinh.

Hai là “Nhưng, đó v.v...” trở xuống là y theo tính chất dung nhiếp và chính là của Lý, có hai:

Một là y theo sự dung nhiếp thuộc Lý: Ba thứ thân ở trên, cả ba đều là ở Tánh tức là cùng. Hai là Từ tu có tức là Biệt, không chia ra tu và tánh tức là một. Ba không dung nhiếp nhau tức là Dị. Vì là Biệt và Dị nên thuộc về Dục. Vì cùng là một nên thuộc về Ngang. Nếu như vậy thì sai đối với Pháp thể được giải thích. Nếu chứng đạt được mẫu nhiệm thì chỉ là một Pháp tánh. Nếu có khả năng thành tựu tánh thuộc một và Tu thuộc hai thì gọi là Ngay nơi một mà là Ba. Tu và tánh có đủ ba loại thân, một Tánh là Ngay nơi ba mà là một. Đó được gọi là “Toàn tánh tại tu. Toàn tu tại tánh”. Tánh không có cái bị dời đổi, Tu thường uyển chuyển mới hợp với văn mẫu nhiệm thuộc chủ thể giải thích.

Hai là “Vì thế, dưới v.v...” trở xuống là dẫn văn để chứng minh. Văn kinh nói đủ rằng: “Nếu đi vào kinh này tức là đi vào Pháp tánh”. Như Pháp tánh sâu xa tức là đối với kinh Kim Quang Minh này mà được thấy Đức Thích-ca Mâu-ni. Vì vậy, trong Đại kinh nói rằng ba thứ Đức chẳng phải Dục, chẳng phải Ngang gọi là Đại Niết-bàn. Nay ta an trụ trong ba pháp như vậy. Vì chúng sinh nên nói là nhập Niết-bàn”. Do đó, chúng ta biết rằng nếu không đạt được sự dung nhiếp mẫu nhiệm của ba và một thuộc ba thân thì chẳng thể gọi là thấy Phật. Sự giải thích về ba Đức Phật của hôm nay đã được sự dung tức, mới hội được văn mẫu nhiệm của kinh này.

Kế là “Chỉ tin v.v...” trở xuống là nói về sự khéo léo của hai chữ tựa đề, có như sau:

- Nói về ý, có hai:

- Từ “Ứng Phật dung nhiếp cả ba mà giải thích, có hai:

Một là Nói rõ vì Thiên mà nghi về sự thấy thể của Viên: Nghi của Thiên là tám mươi tướng là Ứng, có Lượng. Bốn Đức Phật nêu dụ nói về vô lượng của Ứng. Vô lượng đã phá mối nghi của hữu lượng tức là đạt được Pháp và Báo chẳng phải lượng cũng chẳng phải vô lượng. Đó là do chỗ nghi của Thiên mà thấy đối với thể của Viên.



Hai là “Nếu theo v.v...” trở xuống là giải thích về theo thể của Viên, không thiên đề, có hai:

Một là Chỉ về tướng thiên đề của Thiên.

Hai là “Mà nay v.v...” trở xuống là chỉ bày về ý của sự luận bàn của Viên: Vì không Thiên đề nên ba là hai chữ thọ lượng có thể giải thích.

Kế là “Lấy ý v.v...” trở xuống là y theo sự dung nhiếp của Đức Phật thuộc về Báo Phật, có ba:

Một là Nói về thể của Đức Phật thuộc Báo là Viên Dung: Ở trên y theo tựa đề của phẩm, hai chữ Thọ Lượng không nghiêng lệch Hữu hoặc Vô. Như vậy thì gồm nhiếp hai thứ Ứng. Có khả năng hiển bày Pháp và Báo theo chỗ tiện lợi của văn. “Nếu theo sự tiện lợi của nghĩa”: Văn nay đã lấy quả đức làm Tông, dùng sự hợp của Báo thân để giải thích đối với mục lục của phẩm. Lấy Báo thân ở trên thâm hợp với Ứng ở dưới thì nghĩa của ba thứ thân tự nhiên thành tựu. Vì vậy, hai chữ chính là ở báo thân.

Hai là “Lượng nghi v.v...” trở xuống là nói về nhân nghi mà đạt Viên, nghĩa Báo thân được sáng tỏ. Do bốn Phật dùng Ứng trường thọ để giải thích về nghi đoán thọ nên khiến cho Tín Tướng đạt được đối với Báo trí có đủ ba thân.

Ba là “Nhà chuyển về kinh v.v...” trở xuống là nói về từ Viên mà đề phẩm. Tựa đề gọi Thọ lượng, chính là ở Báo thân. Ở đây theo cái thấy được viên giải của Tín, Tướng. Tế giống như đang. Nêu một của Báo thân đối với các của ba thân.

Kế là “Từ đây v.v...” trở xuống là nêu bày về lập đề, gồm có:

- “Lại nữa, một v.v...” trở xuống là nói về sự giải thích lượt hai, lại có:

Một là Nêu bày về sự giải thích khác về thời. Vì Đại sư chẳng những một hồi giải thích cho nên đối với “Một thời” lại lập ra danh nghĩa riêng. Đại sư Chương An đã “Nghe” nên ghi chép cả.

Hai là “Cũng làm v.v...” trở xuống là nói về sự giải thích khác về tướng, có hai:

Một là Nêu bày về Chương môn: Huyền nghĩa: Văn Tuyền nói: “Tuấn triết huyền giám”. Chú: Huyền là Thông, ý nói rằng lia văn khai thị chung về nghĩa của nó nên gọi là Huyền nghĩa. “Dẫn chứng”: Vì dù diệu ngộ đối với nghĩa nhưng lại thông hội với kinh nên dẫn văn làm chứng, giúp cho người sinh khởi niềm tin. “Trở về nguồn”: Phẩm đề là giòng pháí, mục lục của kinh là nguồn. Ba thân làm sáng tỏ thọ lượng.



Không là Pháp tánh, nguồn Kim Quang Minh; nhiếp trở về nguồn này, khiến cho nghĩa được rõ ráo.

Hai là “Huyền nghĩa v.v...” trở xuống là y theo Chương đề giải thích như sau:

- Huyền nghĩa, có hai:

- Nêu thẳng về thọ lượng của ba thứ thân, có ba:

Một là Ứng thân, có ba:

Một là Thọ.

Hai là “Dài ngắn v.v...” trở xuống là Lượng.

Ba là “Giải thích này v.v...” trở xuống là kết. Nhân duyên: Cảm và Ứng làm nhân duyên lẫn nhau.

Kế là lại nữa, “Thọ v.v...” trở xuống là Báo thân, có ba:

Một là Thọ: Ngoài trí không có Cảnh, ngoài Cảnh không có Trí gọi là cùng đưng nhận. Vì đã dứt bật chủ thể và đối tượng nên không phân biệt hộp và nắp. Đương thể của tuyệt đối gọi là Đại.

Hai là “Lượng v.v...” trở xuống là giải thích về Lượng. Cảnh và Trí đều hiện hữu khắp nơi gọi là tương ứng. Sự tương ứng này thật sự không có khe bờ. Nghĩa là nói đối với lượng.

Ba là “Giải thích này v.v...” trở xuống là kết.

Kế là “Lại nữa, Thọ v.v...” trở xuống là Pháp thân. Gồm có ba:

Một là Thọ: Pháp thân không thay đổi, không có quá khứ, vị lai và hiện tại; đó là nghĩa của chân thường, vĩnh cửu. Y theo nghĩa hằng cửu này mà giải thích về thọ của Pháp thân.

Hai là “Lượng là v.v...” trở xuống là Lượng. Cân nhắc cũng như đo lường. Tuổi thọ của Thường thật sự khó đo lường, gương dùng “Cả hai đều chẳng phải” để đo lường. “Không nhiều v.v...” là đưa ra tướng của sự đo lường. Đầu tiên là chẳng phải số nhiều hoặc ít, kế là chẳng phải biết hoặc không biết. Thứ ba là chẳng phải nói hoặc không nói. Đó là làm sáng tỏ Pháp, Thọ là Cảnh không thể suy nghĩ bàn luận. Vì vậy. Đại luận nói: “Không thể suy nghĩ bàn luận tức là không quyết định”. Nếu li có thể nói mà cho rằng Pháp, Thọ quyết định không thể nói thì gọi là quyết định chẳng phải là không nghĩ bàn. Ý của “Cả hai đều không” Ở trên cũng giống như vậy. Đo lường như vậy gọi là sự đo lường của thường hằng vĩnh cửu. Lại nữa, số nhiều hoặc ít đo lường đối với Pháp, Thọ chẳng phải là dụng của dài và ngắn; cái biết cùng tận hay không cùng tận đo lường Pháp, Thọ thì thể của chúng chẳng phải là im lặng hay nói năng.

Ba là “Sự giải thích này v.v...” trở xuống là kết, có hai:

Một là “Lược v.v...” trở xuống là liền tạo ra ba thứ “Cả hai để hiển bày: Vì trước đã trực tiếp lấy Cảnh trí dài ngắn cùng nghĩa của cả hai đều không để nêu bày về ba thứ thọ lượng. Nhưng sợ rằng vẫn khó giải thích nên nay mỗi loại đều dùng hai nghĩa đo lường là vì muốn giúp cho hành giả biết tướng của Đức Phật. Văn chia làm ba. Lược thứ nhất là hai nghĩa của Ứng Phật, lược thứ hai là nghĩa của Báo Phật, Cảnh không phân biệt chứ chẳng phải nói là cảnh không ngộ, hoàn toàn không có tri giác. Đó là chỉ cho tâm thể vốn lìa niệm gọi là vô phân biệt. Ở đây lìa tâm niệm toàn thể giác ngộ, gọi là trí có phân biệt. Cảnh và Trí này rất ráo xứng hợp nhau. Ngoài trí không có Cảnh, Cảnh có phân biệt. Ngoài cảnh không có trí, trí không có phân biệt. Cho nên cảnh chiếu nơi cảnh, trí vắng lặng nơi trí. Dùng hai nghĩa ấy làm sáng tỏ tướng của Báo thân. Lược thứ ba là hai nghĩa của Pháp và Phật. Vì thể vốn không có tướng nên chẳng thể nói. Vì y theo nguồn từ để làm sáng tỏ đức nên có thể nói.

Kế là Dẫn chứng, gồm có:

- Dẫn văn ngày nay, có ba:

Một là Dẫn hai văn để chứng minh hai nghĩa của Ứng thân.

Hai là Dẫn ba văn để chứng minh hai nghĩa của báo thân. Hư không dụ cho sự giữ lấy thông với ở trước. Bất hoại dụ cho Ứng của vô lượng. Nay là dùng Vô tướng để chứng minh cho tính chất vô niệm của Cảnh.

Ba là Dẫn ba văn để chứng minh cho hai nghĩa của Pháp thân.

Hỏi: Ở trước nói rằng bốn dụ đều dụ cho Ứng thọ, đều là vô lượng. Vậy, tại sao nay lại trích dẫn để chứng minh cho Báo và Pháp.

Đáp: Chẳng phải toàn bộ Pháp, Báo là Ứng thân. Ứng thì chắc chắn đoạn diệt đâu thể ngắn dài không hề dừng nghỉ. Nay vì muốn hiển bày sự dung nhiếp mẫu nhiệm của ba thứ thân nên phải dùng Ứng để chứng minh cho Pháp và Báo. Nếu người học không hiểu được ý ấy thì chẳng thể nào biết nhận sâu sắc về các thân đối cơ của Đại thừa.

Kế là Dẫn bản mới, có hai:

Một là chứng minh riêng về hai nghĩa của Ứng thân. Bà-la-môn Kiều-trần-như kia muốn có được xá-lợi Như Lai như hạt cải, hạt lúa. Đó là vì ông biết chín tuần nữa Như Lai sẽ diệt độ nên mới mong cầu. Điều ấy có thể chứng minh rằng tám mươi là hữu lượng. “Vương tử v.v...” trở xuống là Vương tử Lật-tỳ đáp Bà-la-môn. Tuy tức là Pháp, Báo nhưng lại từ phước báo để chứng minh thắng Ứng.

Hai là chứng minh chung về bốn nghĩa của Pháp và Báo. Tri tức

Báo thân, Cảnh tức là Pháp thân; có đủ bốn nghĩa, có biết và không biết, nói hoặc không nói nhưng chỉ nêu một để ngang bằng với ba nghĩa khác. Vì cả bốn nghĩa đều dứt bật suy nghĩ nên có thể dùng chung cảnh giải thích là khó nghĩ bàn để chứng minh. Vì khiến cho nói lại ý này nên Trần Sư chú thích rằng v.v...

Kế là trở lại nguồn, gồm có:

Một là nói chung về ý: Nhưng Pháp, Báo và Ứng cùng Kim, Quang và Minh đều là danh của Pháp tánh đương thể; chúng vốn không có sự hơn kém. Vì kinh này chính thức dùng kim v.v... để nói lên Pháp tánh nên Đức Phật đề xướng đầu tiên để làm con mắt của kinh. Vì lẽ đó, Kim Quang Minh được làm tông, nguồn. Tất cả ba pháp đều thành dòng phái. Kim giải Thọ lượng nên phải y theo ba thân. Vì sợ rằng có sự giải thích riêng cho nên chỉ bày sự trở lại Tông.

Hai là “Lược đầu tiên v.v...” trở xuống là chỉ bày tướng quay trở lại, có ba:

Một là Ứng trở lại.

Hai là “Thứ hai v.v...” trở xuống là Báo trở về Quang: Báo chắc chắn thâm hợp với Pháp. Vì vậy, ở mỗi câu đều trình bày cả Pháp và Báo. Đó là nêu lên trí thuộc đối tượng được thâm khế hợp, toàn là Pháp tánh, vắng lặng mà thường chiếu soi.

Ba là “Thứ ba v.v...” trở xuống là Pháp trở về Kim: Lúc nói thường im lặng, lúc im lặng vẫn thường nói. Bốn đức tròn đầy mẫu nhiệm, đâu có gì tổn hoặc ích. Toàn là Pháp tánh, đáng tôn trọng. Hợp lại để nói về tính chất dung nhiếp và chính tà, vì theo thông lệ ở trước nên lược bỏ.

Kế là “giải v.v...” trở xuống là y theo thông lệ tất cả: Nếu giải nghĩa Kim Quang Minh thuộc thể thì lẽ nào chỉ có nghĩa của ba thân quy về ba chữ? Vì tất cả Pháp tướng đều trở về nguồn này nên được một ngàn từ không tức là mười ngàn hoặc.

Kế là “Đã là v.v...” trở xuống là nói về gồm cả ý của Lục này. Thuyết hai thời đều làm sáng tỏ Diệu lý. Người học đời sau biết từ đâu để được khai ngộ? Vì muốn chỉ bày ý ấy nên chú: “v.v...”.

Kế đến là “Phẩm này v.v...” trở xuống chính là nói về nghi niệm, có hai:

Một là Tựa, nhập chánh phẩm để chỉ thuyết trên.

Hai là “Từ vua v.v...” trở xuống là lại theo ý của Tựa để giải thích về văn này, có hai:

Một là phân tiết văn kinh.

Hai là theo văn giải thích như sau:

- Nêu ra người. Gồm:

Một là nêu ra nơi chốn.

Giải thích theo Sự, như thông tự quán giải thích ra danh.

Hai là “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói về Vị: Phiên danh gọi là đạo tâm. Lại thường xuyên giáo hóa người khác nên gọi là đạo tâm lớn. Công hạnh này dù bao trùm ba giáo trước. Vị của nay là ở Viên.

Ba là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là nêu ra danh từ, có hai:

Một là Y theo danh để giải thích: Tín có cả Chân và Tự. Đã nói là Tín Tướng, tín thì chẳng phải Chân. Vì Tự tín là thật sự vì chứng minh cho tướng ở trước. Tam Hiền của Biệt giáo là Tự tín vị. Sơ địa trở lên mới được Chân tín. Bước lên trụ của Viên giáo thì liền được Chân tín. Tức là lấy Thập tín gọi là Tự tín. “Nói Thiết luân”: Kinh Bốn Nghiệp Anh Lạc dùng sáu thứ, luân để dụ cho sáu Nhân vị. Thiết luân là Thập tín, Đồng luân là Thập trụ, Ngân luân là Thập hạnh. Kim luân là Thập hướng. Lưu ly luân là Thập địa. Ma-ni luân là Đẳng giác. Tín dứt trừ kiến - Tư, được gọi là Thiết luân.

Hai là “Văn dưới v.v...” trở xuống là dùng tướng để xem xét. Cây gỗ dựng đứng tức là cây gậy của cái trống. Có chỗ viết là cái dùi trống.

Kế là “Lại nữa, Chân v.v...” trở xuống là nói về Tự Thông thượng vị. Phổ hiền v.v... giác cùng cực gọi là Tự. Vì vậy lập danh từ Hiền.

Kế đến là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là nói về sự khó đo lường được cao hay thấp.

Tiếp là “Người vấn nạn v.v...” trở xuống là lập câu hỏi để nghiệm xét về Chân thật, như sau:

- Hỏi vặn về vị cao không có nghi, gồm:

- Vặn hỏi, có hai:

“Đây cũng v.v...” trở xuống là giải thích, có hai:

Một là y theo Quyền và Thật để giải thích: Vì người khác mà phát khởi là nghi, thuộc về sự chỉ bày của Quyền, chưa Biết rõ được Phật địa là nghi thuộc hạnh của Thật.

Hai là “Pháp Hoa v.v...” trở xuống, là dẫn hai kinh để chứng minh. Bốn và Tích của Pháp Hoa đều do sự hoài nghi của Di-lặc mà sinh khởi câu hỏi. Vì Bồ-đề của Bồ-tát Đại tập chưa cùng cực nên nói là “Chưa hoàn toàn”. Bản tánh Bồ-đề huân vào tâm làm khởi nghi, vì nghi nên cầu giải nghi, do đó nói là Bồ-đề dứt trừ kiến thì không có nghi, có hai:

Một là câu hỏi.

Hai là Đáp chung: nghi làm chướng ngại Chân. Trong chướng nghi của Biệt. Chưa đạt đến cùng cực của Trung đạo thì làm sao không nghi ngờ được.

Kế là “Quán giải v.v...” trở xuống là y theo nơi chốn để giải thích về Quán: nay nêu ra tên người thì quán làm sao theo nơi chốn được? Vì Quán và Pháp đều từ ấm mà khởi. Vì lấy thành Vương xá để cho ấm là tiện lợi nên nói theo nơi chốn. Dùng vua thiện ác để quán xét ngôi nhà vô ký. Chủ thể và đối tượng chẳng hai, Người và Pháp đều không, cái được làm sáng tỏ do hai hình thái không tức là Đại Niết-bàn. Đề phòng năm trụ mà chẳng chế ngự quân địch của hai hình thái chết thì lẽ nào thành lại hơn đây? Sơ tâm thuộc Danh tự quán, Niết-bàn thuộc về ấm, hậu tâm thuộc Diệu giác Niết-bàn rốt ráo. Ý của hôm nay là giải thích về Trụ xứ của sơ tâm. Nói về hậu tâm là chỉ bày về Diệu quán này giống như quả trí.

Kế là khen ngợi bốn thứ đức, gồm có:

- Khoa phán, có hai:

Một chính là chia khoa kinh.

Hai là Phán lại Vị: Thực là Gieo giống. Quý là hổ (thẹn), “v.v...”: Khiến y theo sự khen ngợi về đức để xếp là đồng với Phổ hiền.

Kế là “Cúng dường v.v...” trở xuống là tùy theo để giải thích, có hai:

Một là Cúng dường Phật theo cách bên ngoài, có hai:

Kế là y theo Tài và Pháp để giải thích: Đại kinh nói: “Trong các sự cúng dường thì cúng dường Pháp là cao quý nhất. Cúng dường tiền của thì có cùng tận, còn cúng dường Pháp thì không cùng tận”.

Kế đến là y theo quán hạnh để giải thích. Một niệm vô minh toàn thể giác ngộ tâm giác ngộ ấy được gọi là Phật. Có đủ tư lương của nhân và duyên là nghĩa cúng dường Phật. ba ví dụ có thể thấy.

Tiếp là “Chứng thiện v.v...” trở xuống là hạt giống cội lành ở bên trong, như sau:

Một là Nói trực tiếp về ý nghĩa hạt giống lành, thể vốn là tâm giác ngộ gọi là đất Pháp tánh. Quán tánh Thủ giác gọi là hạt giống. “Gieo các hạt giống lâu ngày ý nghĩa có thể biết. “Năm gốc lành”: Đối với bản Pháp tánh sinh khởi Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ bất động; cả năm đều không động gọi là năm căn. Gốc này sinh tướng của tự vị này cao nên gọi là thêm lớn.

Hai là “Thêm lớn v.v...” trở xuống là dùng việc gặp Phật để giải thích về hoàn thành, có hai:

Một là Nêu ba việc để thí dụ:

Hai là “Ví dụ về gió v.v...” trở xuống là dùng ba luân để phối hợp. Luân thuộc về Thân hiện thần thông làm kinh động tâm. Luân thuộc ý quán sát căn cơ, ánh sáng của trí chiếu soi. Luân thuộc về miệng giảng nói giáo lý, nước pháp nhuần gội.

Kế là “Lãng-nghiêm v.v...” trở xuống là nói về sự thêm lớn của ba thứ nhân: Lãng-nghiêm là quyết định nhân. Bát-nhã là tuệ liễu nhân. Pháp tánh là lý chánh nhân.

Kế là Sự tu, một là tánh chiếu phát nương lẫn nhau. Do tu mà chiếu tánh, do tánh mà phát khởi sự tu. Ba thứ nhân ấy thêm lớn, chuyển tự đi vào Chân, ở Chân mà Đạo thêm lớn. Tất cả đều được gọi là nói thêm về sự chuyển biến và hiển bày.

Kế đến là “Gieo trồng v.v...” trở xuống là kết thúc sự hoàn thành về đức của hai thứ.

Kế là “Từ là v.v...” trở xuống chính là nói về nghi ngờ đối với Tựa, có hai:

Một là Phân tiết kinh.

Hai là “Do có v.v...” trở xuống là tùy theo để giải thích, như sau:

- Lý do của sự sinh nghi, gồm có:

Một chính là đưa ra lý do nghi: Xa thì do chín mươi ngày trước nói về ma để mong diệt. Kinh này là phần sau cùng của hệ Phương Đăng. Gần thì do nghe Đức Phật xuống lời tựa trong định ở Linh Sơn. Vì đã khởi động sự suy nghĩ nên liền sinh tâm niệm nghi ngờ. Tuy có hai lý do nhưng vì không có lời thề đánh vào nên sự nghi ngờ này không sinh.

Hai là “Do đâu v.v...” trở xuống là giải thích do nhân duyên gì? Gồm có hai:

Một là y theo ba tánh để phân chia nhân duyên. Nói chung về ba loại thì Chánh, Liễu và Nhân gọi là ba thứ nhân. Cùng ở Lý tánh, vì tu về Duyên và Liễu; mỗi loại trong ba loại đều là Duyên. Văn nay nói tắt là “Nhân nào, Duyên nào”. Phải hợp Tánh ba, chỉ gọi là Chánh để tương xứng với nhân. Duyên và Liễu trong Tu hợp với sáu mà làm hai. Vì đối nhân nên hợp với hai, làm Duyên để tương xứng với Duyên. Y theo nhân và duyên đó mà sinh ra nghi ngờ.

Hai là “Chánh nhân v.v...” trở xuống là y theo Nhân duyên mà nghi về tuổi thọ: Chánh nhân thường hằng, mãi mãi nên là lý được làm sáng tỏ. Cảnh thuộc lý đã thường hằng thì toàn cảnh phát trí để làm chủ thể sáng tỏ. Như thế, lẽ nào Cảnh lại vô thường? Vì chủ thể làm sáng tỏ gồm cả Phước mà trí lại là Chánh nên chỉ nói về Trí. Cảnh này, trí

này đều chiêu cảm tuổi thọ thường hằng. Vì vậy, nghi tám mươi là nhân duyên gì.

Kế là “Vuông tám v.v...” trở xuống là giải thích về vuông tám mươi, có ba:

Một là Chỉ bày chung về tuổi thọ thuộc thế gian: “Phương dưới v.v...” trở xuống là đặc biệt nêu bày về phương giữa để biểu thị: Sự ứng hóa đều y theo lý để hiển hiện. Vì vậy, ngoài sự chắc chắn là trong biểu thị cho lý. Lẽ nào tuổi thọ thuộc phương giữa lại không nói lên bốn thứ đức. Tuy rằng ý của Phật rất nhỏ nhiệm, nhưng nay, Đại sư Trí Giả dựa vào bốn vị Phật sau để y theo Ứng mà làm sáng tỏ về thường. Vì vậy, Đại sư lấy cái được làm sáng tỏ để xem xét về chủ thể biểu thị. Như vậy là biết được ý của Phật.

Tiếp là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là vì không biết về ý biểu thị nên nghi ngờ. Nếu Tín Tướng đạt được ý biểu thị ở trên thì sẽ thấy được ba thân có đủ cả bốn đức. Như thế, lẽ nào Tín Tướng lại nghi rằng Tích của Ứng chắc chắn là ngắn hoặc dài để nghi ngược lại rằng “Nhân nào, Duyên nào?”.

Kế chính là sinh nghi, lại có:

- Y theo sự tương hỗ của Lý và Giáo mà nghi, có hai:

Một là Chấp giáo nghi Lý.

Hai là Chấp Lý nghi Giáo. Những điều do Đức Phật nói là Giáo thuộc chủ thể giải thích. Nhân quả của sống lâu là lý thuộc về đối tượng được giải thích, tức là đạo lý. Văn và nghĩa của sự chấp chặt lẫn nhau làm thành nghi hoặc rất dễ hiểu.

Kế là “Có hai v.v...” trở xuống là y theo văn kinh để chỉ bày đầy đủ, có:

- Giải thích về sự có hai nhân duyên, có hai:

Một là Đối với trước để giải thích về khác. “Trước” tức là kinh nói “Nhân gì, Duyên gì”. Sự giải thích ở trước đã lấy Chánh tánh làm nhân, tức là lấy Duyên và Liễu trong sự tu tập mà làm Duyên. Nay nói rằng sống lâu có hai nhân duyên. Đã là Phật tu, hai thiên Chỉ và Hành, mỗi thiên đều có đủ Duyên và Liễu. Tức là duyên thuộc chủ thể hiển rõ của văn trước. Nay đối với duyên trước tự làm nhân duyên. Vì vậy, khác với nhân duyên ở trước.

Hai là “Mười điều lành v.v...” trở xuống là y theo sự giải thích của nay, gồm:

- Y theo mười điều lành để giải thích sơ lược, như sau:

- Chính là trình bày về nhân duyên, có:



- Đối với mười điều lành, mỗi điều lành đều nói về chỉ và hành, có hai:

Một là Nêu lên sự chỉ bày.

Hai là “Không sát sinh v.v...” trở xuống là giải thích về tướng, có hai:

Một là y theo không sát sinh, không trộm cắp để giải thích, có hai:

Một là y theo sự phối hợp đầy đủ của hành tướng.

Hai là “Sự giải thích nay v.v...” trở xuống là nói về sự nêu chung của kinh này.

Kế là “Nếu có đủ v.v...” trở xuống là y theo thông lệ của tám mà nói về mỗi phần: Hai điều lành của Chỉ và Hành, mỗi điều đều có ba thứ khác nhau. Đó là Tự, Tha và Cộng.

Một là Tự hành: như văn nói: “Không sát sinh là Chỉ. Phóng sinh là Hành. Không sát sinh là Chỉ, Bồ thí thức ăn là Hành”.

Hai là Chỉ và Hành thuộc sự giáo hóa kẻ khác: như văn nói: “Nếu không ngăn đoạt là Chỉ, phương tiện khuyến tu là Hành”. Nếu nói đầy đủ về mười loại chỉ hành, tức là không sát sinh, không trộm cướp như số đã nói. Tám loại tức là không dâm là phạm hạnh, không nói dối là Thành thật ngữ, không nói lời thêu dệt là Chất trực ngữ, không nói hai lưỡi là Hòa hợp sự tranh kiện, không ác khẩu là Thường thực hành lời mềm mỏng, không tham là Bất tịnh quán, không sân là Từ tâm quán, không si là Nhân duyên quán; tất cả đều là tự tu về Chỉ và Hạnh. Cả Tự và Tha cùng nói rõ: Tự thân không gây ra mười điều ác gọi là Chỉ, khuyên bảo người khác không gây mười điều ác gọi là Hạnh.

Kế là nay y theo v.v... trở xuống là đối với chỉ và hành mỗi thứ điều nói về nhân duyên, có hai:

Một là Nêu lên.

Hai là mạng v.v... trở xuống là giải thích, như sau:

- Y theo không sát sinh để nói về bốn thứ, gồm có:

Một là Nhân duyên thuộc chỉ và thiện: Nhân là gốc của thiện, Duyên là giúp đỡ. Vì thành tựu từ tâm nên dứt bỏ dụng cụ sát sinh.

Hai là thực v.v... trở xuống là nhân duyên để thành thiện: Y cứ theo chỉ thì rất dễ hiểu.

Kế là Không sát sinh v.v... trở xuống là theo thông lệ của chín điều lành đều như vậy.

Kế đến là Gồm có v.v... là kết sự chỉ bày về số của nhân duyên thuộc Chỉ thiện.

Kế tiếp là “Những điều đó v.v...” trở xuống là kết thành niệm nghi.

Kế là “Ở đây y theo v.v...” trở xuống là y theo năm thừa để giải thích đầy đủ, có hai:

Một là Kết trên khởi nay: Nếu chỉ nói về nhân quả của mười điều lành thì đó là lời nói cạn cợt một đường, đối với kinh thuộc Phương đẳng chưa được gọi là thỏa lòng. Đây là kết phần trên. Nay đứng ra nên y theo Chỉ Hành của Thế gian, xuất thế gian, Tiệm và Đốn mới gọi là nhân của Phật. Đó là khởi nay.

Hai là “người, trời v.v...” trở xuống là nói về sự chỉ bày chi tiết của nay như sau:

Kế là nói về giáo nghĩa, gồm có:

- Không sát sinh, có hai:
- Nói về hành tướng, có hai
- Chỉ bày về tướng, chia làm hai:
- Chính là chỉ bày, có hai:

Một là Chỉ bày chung về Mạng, Sát của năm thừa, nếu chỉ có năm sát sinh thì báo có được là mạng căn, điều lành này vô cùng cạn cợt. Nay giải thích về mạng của sự tu nhân thuộc năm thừa nên bao trùm cả sâu. Tiếng Phạm Ma-la, Hán dịch là Sát. Đó là vì nó thường hại điều lành, thuộc Thế gian và xuất thế gian của con người. “Đoạn v.v...” trở xuống là các Mạng, đều là nghiệp của ma.

Hai là “Nếu ngăn cản v.v...” trở xuống là nói riêng về Chỉ và Hành của người tu. Gồm bảy:

Một là người, trời: Sự này tức là Thiện của giới.

Hai là Nhị thừa thuộc Tam tạng giới.

Ba là Bồ-tát thuộc về Sự: Vì không thể đạt được Thể của ba luân là không nên việc thực hành sáu Độ đều được gọi là Sự.

Bốn là Nhị thừa thuộc Thông giáo.

Năm là Bồ-tát thuộc Thông giáo: Sai lầm của nói pháp gọi là Phi (Sai). Phế bỏ khiến không học gọi là Bác bỏ. Dưới chữ “Thể không” lẽ ra nên gọi là sáu Độ mới khác với Nhị thừa; có thể bị thoát hoặc bị lược bỏ.

Sáu là Bồ-tát thuộc Biệt giáo.

Bảy là Bồ-tát thuộc Viên giáo, có hai:

Một là Thuận hạnh cũng đoạn mạng của Phật, vì hàng Sơ tâm của giáo này tức là cõi Phật.

Hai là “Hành giả của Viên v.v...” trở xuống là nghịch hạnh, có

hai:

Một là Nói về Nghịch: Hiểu được thuận, nghịch tu tức là tánh của nghịch và Thuận. Vì tánh không có khác nhau nên gọi là Một tướng. Vì vậy, Sát sinh thuộc sự của Tiên dự, là sát sinh thuộc Lý của quả Phật; Vì tức là Tánh nên điều là cái nhân của trường thọ. Duyên của Tiên dự thì như đã được giải thích trong năm giới ở trước.

Hai là “Đồ đều là v.v...” trở xuống là nói về lý của thuận: người thuộc ba giáo trước đều là Hành thuộc Tiểu, là bởi Hành của bậc Sơ thuộc Biệt cũng giống với Tiểu. Vì vậy, tất cả họ đều không thể ngay nơi nghịch mà thuận.

Hai là “Như trên v.v...” trở xuống là giải thích chi tiết: Đầu tiên là từ người, trời, cuối cùng đến Viên giáo, Chỉ và Hành nếu không có nhân duyên thì điều lành không thành tựu. Nhưng lại y theo không sát sinh, phải trải qua chín điều còn lại, và tất cả pháp đều phải luận ở nhân duyên của Chỉ và Hành. Vì vậy mà nói là “Như biển”.

Kế là “Vì vậy, Đại v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Nếu không nói như trên thì lẽ nào mỗi Độ đều có thể bố thí cho chúng sinh vô lượng tuổi thọ ư?

Kế là “tôi v.v...” trở xuống là thành niệm nghi:

Kế tiếp là Nói về cho thức ăn, lại có:

- Nói về Hành tướng, có hai:

Một là nói về Quyền và Thật của Pháp thuộc Sự, có hai:

Hai là nói về Thể của thức ăn thuộc Sự pháp, có hai:

Một là nói về tính chất nặng nhẹ của thức ăn thuộc Sự. Thực của y báo thì nhẹ, thực của Chánh báo thì nặng.

Hai là “Kinh nói v.v...” trở xuống là nói về Quyền và Thật của thức ăn thuộc pháp: Kinh tức là kinh này. Phẩm Lưu Thủy nói: “Đời vị lai, nên bố thí pháp thực”. Thế gian tức là người và trời, xuất thế gian là ba thứ giáo, Thượng thượng tức là Viên dụng.

Hai là “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói về tướng bố thí của Bồ-tát, gồm có:

Một là nói chung: “Xoay tà về chánh”: Khiến cho có niềm tin chân chánh đối với nhân quả. Manh nha tức là mở đầu. Tức là mới mở hạt giống, là gọi chung các thứ cỏ. Nuôi tức là dưỡng. Đại luận quyền bầy nói: “Như con của vị Quốc vương đứng ở chỗ cao và nguy hiểm, không thể cứu giúp, muốn tự mình rơi xuống đất. Vua liền sai người bầy nệm gấm dày, lúc rơi xuống đất không bị chết”.

Hai là “dùng để trao v.v...” trở xuống là chỉ bày riêng, có bốn:

Một là trao món ăn thuộc người, trời.

Hai là “Đã giữ v.v...” trở xuống là trao món ăn thuộc ba tạng.

Ba là “Đã vào v.v...” trở xuống là ban cho món ăn thuộc Thông và Biệt.

Bốn là “Bày cái đói v.v...” trở xuống là ban món ăn thuộc Viên giáo: Vì không có thức ăn thuộc pháp Đại thừa nên gọi là nước đói. Pháp Viên đốn như món ăn của vua, chẳng phải là món ăn của người phổ thông. Thiện thiện là thức ăn ngon. “Phiền não v.v...” trở xuống là quán hoặc chính là trí. Như củi giúp cho lửa. Nhân của trí, duyên của hoặc nên sẽ thành tựu thức ăn bốn đức, khiến cho đệ tử thuộc bốn mươi mốt vị đều đạt được sở thích thuộc từng phần.

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là kết thúc sự chỉ bày.

Kế tiếp là “Mỗi pháp v.v...” trở xuống là kết về nhân duyên của Chỉ và Hành.

Kế là “Đây, các v.v...” trở xuống là thành nghi niệm.

Kế là Nêu về quán hạnh: Nói chính xác về Vô minh tham ái của tâm ta, có thể sinh ra tất cả con cháu phiền não nên gọi là Cha mẹ. Nếu chúng ta chẳng thể rõ biết hai thứ đó là tánh ác thì phải dứt trừ và phá hủy mới gọi là Nghịch thuộc giáo. Nếu chúng ta quán Chính là tánh thì không lia Si, ái mà toàn thể vẫn sáng sạch. Chủ thể quán và đối tượng được quán đều không thật có. Đã như hư không thì Si và ái đều vắng lặng. Vì thế gọi là Thiện thuộc Chỉ. Vì nơi vắng lặng mà quán sát khắp các tâm sở đều làm chúng được sáng sạch nên lại được gọi là Thiện thuộc Hành. Đó là quán tâm để thấy thuộc tính thường hằng của tất cả pháp. Lẽ nào lại không cảm được quả thường hằng của ba thân ư?

Hai là “Thân ta v.v...” trở xuống là giải thích về cốt tủy của thân ta, như sau:

- Nói về hành tướng, gồm có:

- Phân biệt Sự theo Pháp, có hai:

Một là Thân thuộc Sự, đối tượng được phân biệt: Đứng ở Sự để nói về thân thì có ai không hiểu. Vì vậy, nay sẽ phân biệt. Trí suy đến chín cõi đều chẳng phải là thân ta. Hướng chi là quả báo sắc chất của con người.

Hai là “Thân ta v.v...” trở xuống là Pháp thân, cái được lấy: Đối tượng được lấy đã sâu nên suy nghiệm về cái được phân biệt ở trước chẳng những là quả báo thuộc về người. Nhưng, nếu có khả năng hiểu rõ được sắc tâm, Pháp giới mà xả thân thuộc về Sự thì chính là cái được lấy của nay. Nay phân biệt sự không thể hiểu rõ việc xả bỏ của Pháp

giới gọi là chẳng phải thân ta. “Phải biết rằng Thật tướng là thân ta”: Đây là nói chung. Nếu y cứ theo Thích luận thì y theo Thân thật tướng mà nói về giới, định, tuệ và tâm mâu nhiệm, thiện là da, máu, cốt, tủy. Tuy chia ra giới v.v... nhưng mỗi phần đều là toàn phần của Thật tướng.

Kế là “Vì kẻ khác v.v...” trở xuống là y theo Pháp để nói về Thí, lại có:

- Thí thân thuộc về Thật, có năm:

Một là thí da: Vì kẻ khác mà truyền bá giới của Thật tướng. Ngăn che tội lỗi của hai bên, tu phước Trung đạo. Loại giới này không có tướng nên ngay cả trì còn khó được, lẽ nào lại lưu giữ nơi phạm. Thể đã vắng bật cả hai nên gọi là bờ kia của Thi-la. Nói về giới như vậy mới gọi là bố thí da của Pháp thân. Huyết v.v... theo thể lệ như vậy.

Hai là “Nói các v.v...” trở xuống là bố thí Huyết: “Các thiền định”: Tức là chín loại Thiền, cũng là tất cả Thiền định thuộc hữu lậu, vô lậu đều đạt được thật tướng, đều thành vô ký hóa hóa Thần thông. Cho nên, đối với Diệt định mà hiện ra thân của mười cõi. Gọi là các uy nghi theo mô thức trước hợp lại mà nói rằng “chẳng định chẳng loạn”.

Ba là “Nói không v.v...” trở xuống là bố thí xương: Vì công thuộc chủ thể Chiếu không còn nên nói là chẳng phải trí. Vì toàn bộ hoặc thành trí nên gọi là “chẳng phải ngu”. Loại trí này sinh khởi việc nói hoặc không nói đều được. Vì chủ thể nói đã diệu nên khiến cho đối tượng nói đều đạt đến mảnh đất trí. “Mảnh đất trí”: Trí tức là đất, tức là Trí của Bản giác. Mảnh đất nơi trí y cứ là trí thuộc Thủ giác. Tu và Tánh hợp nhất, hai nghĩa đều thành.

Bốn là “Đàn nhẫn v.v...” trở xuống là y theo thông lệ là nên bố thí thịt: Luận chỉ nói về ba học và lý được làm sáng tỏ. Về mặt nghĩa, Đại sư thêm ba pháp là Đàn, Nhẫn và Tiến nên thành ra nghĩa sáu Độ để tiêu giải về cốt, tủy, máu, thịt của kinh này; khi ấy nghĩa mới được thứ lớp, đầy đủ. Người giảng nói nên mô phỏng theo ba học ở trước để làm sáng tỏ về tướng của “cả hai đều không phải”.

Năm là “Nói vô cùng v.v...” là bố thí tủy: Sự nói về giới v.v... ở trước đã đều là “Cả hai đều chẳng phải” thì lẽ nào lại không dứt trừ đối với con đường của ngôn ngữ và suy nghĩ. Nhưng, đó là bàn luận về hạnh, nay lại nói về lý. Tuy đều là thật tướng nhưng phải phân biệt chủ thể khế hợp và đối tượng được khế hợp. Sáu Độ tức là toàn bộ sóng của tánh ướt. Thiện tâm mâu nhiệm là tánh ướt ở trong sóng.

Kế là “Đem điều đó.. “. trở xuống là nói về bố thí thân thuộc về

quyền, có ba:

Một là kết thật mở quyền: Dùng món ăn của pháp thuộc về viên để bổ sung bảy phương tiện đói khát của chúng sinh. Ngoài viên đốn ra, các pháp ngôn có được đều được gọi là thức ăn món uống dư thừa. Đó là lấy hơn so với kém.

Hai là “Tức là v.v...” trở xuống chính là nói về tướng của bố thí: Văn lược bỏ không nói. Bồ-tát thuộc ba thứ giáo, sáu Độ của Biệt giáo có thể gọi là Thức ăn thừa. Tùy là Trung đạo thì dứt khoát là thân của ta. Vì vậy, Tùy thừa chỉ ở Chân-đế.

Ba là Dẫn Pháp hoa để chứng minh cho “Thị giáo lợi hỷ”: Đại luận quyển năm mươi chín của nói: “thị” là chỉ bày cho người về sinh tử, Nếu bàn về ba thừa, sáu Độ giáo: Tức là dạy bảo rằng người nên bỏ ác, làm lành. “Lợi”: Vì chưa đạt được mùi vị của pháp lành thì tâm sẽ lui sụt nên nói pháp lợi để dẫn dắt giúp người tu ra khỏi Hỷ (vui): Tùy theo điều được làm mà khen ngợi khiến cho tâm người tu được vui mừng. Dùng bốn việc ấy để trang nghiêm sự nói pháp.

Kế là “Như Lai v.v...” trở xuống là thành nghi niệm: Tùy theo ý và ngôn ngữ của người khác để bố thí món ăn thức uống thuộc quyền. Tùy theo tự thân mà bố thí thật.

Kế là Từ Đại v.v...”trở xuống là nói về lời tựa của sự hiện điềm lành, có:

- Kết trước mở sau, có hai:

Một là Phân tiết kinh.

Hai là “dốc lòng v.v...” trở xuống là giải thích về ý, lại có:

- Kết phần trước, có hai:

Một là nói về dốc lòng. Chí cũng như cùng cực. Tâm và Phật cùng một nguồn. Nay vì muốn niệm Phật nên phải đạt đến điểm cùng cực thật tế của tâm mình.

Hai là “Quán tâm v.v...”trở xuống là nói về niệm Phật: Quán tâm đã cùng cực nên sẽ đạt được trọn vẹn công đức của niệm Phật, không sát sinh, v.v... tất cả đều ngang bằng với hư không. Vì quán quá sâu nên liền thành niệm nghi. Hai là nói về sự mở ra phần sau: máy móc mẫu nhiệm Ứng thì tướng lành liền hưng khởi. Hai chính là nói về sự ứng hiện điềm lành, có hai: Một là trình bày về ý và chia văn, có ba:

Một là trình bày về ý, có hai: Một chính là trình bày “vì nhĩ.. “: Nhĩ tức là người biểu thị cho sự thêm lớn về phần nhân chân thật và cảm quả rất ráo.

Hai là “Hỏi..” trở xuống là liệu về tác giả, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp.

Kế là phân biệt người giảm, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp, có hai:

Một là phân biệt thông theo Biệt.

Hai là “Tuy nhiên v.v...” trở xuống: Căn bản của lợi ích là ở người khác. Tín Tướng đã là người phát khởi tức là đồng với chư Phật mà làm. Vì là chủ thể Ứng nên biết rằng chủ thể cảm vốn ở tại các loại căn cơ. Vì vậy, Ứng với một người là Ứng với số nhiều.

Kế là Phân văn.

Kế là “tướng riêng v.v...” trở xuống là sắp xếp về Tướng, lại có:

- Chính là phán, có hai:

Một là y theo mười nhân, một quả để phán.

Hai là “Lại nữa v.v...” trở xuống là y theo Thập địa, Nhất địa để phán.

Kế là “Hỏi v.v...” trở xuống là liệu giản, gồm có:

- Y theo Tông chỉ của kinh để liệu giản, có:

Một là hỏi.

Hai là đáp.

- Y theo Tự vị để phân biệt, có hai:

Kế là hỏi: Sự phán định về Tự vị ở trước có hai ý nghĩa:

Một là y theo Thập Tín Tự đối với Chân thuộc từng phần.

Hai là y Theo thể thức Tự của Phổ hiền đối với Diệu giác. Như tướng lành của nay chắc chắn biểu thị cho Thập địa. Vậy, lẽ nào lại khiến cho Thập Tín bước lên Pháp Vân ngay? Lẽ nào lại khiến Phổ hiền đi vào Sơ địa?

Kế là Đáp: chúng ta nên biết rằng hai lần trở xuống, trong mỗi địa đều có đủ công đức của các Địa. Thập Tín phát khởi Chân thật, gặt hái được mười công đức của Thập (Địa). Đăng giác cũng tiến mười đức của Hậu tâm. Đó là trước và sau đều thấm nhuần lợi ích của Thập (Địa). Vì vậy, y theo chiều Ngang và Dọc mà sắp xếp một cách tự nhiên.

Kế là “Tướng riêng v.v...” là y theo văn để giải thích về Tướng, có hai:

Một là Phân tiết văn để nói về mười tướng.

Hai là y theo biểu phát để giải thích về Tướng, có hai:

Một là chỉ bày lại về khuyến giới. Âm “Phỉ” Tức là Văn vẻ. Ý nói có thể dùng mười đoạn văn kinh để làm sáng tỏ về Chỉ. Y theo vào sự



bình luận, nghĩ nghĩ mà mô phỏng tương tự. Chứ không thể nói đầy đủ về hành tướng của nó. Vì vậy, nên nói “Chẳng thể dùng sự hoàn bị tất cả để trách cứ.”

Hai là “Căn phòng của v.v...” trở xuống là y theo Tướng để biểu thị cho đức, có hai:

Một là chiều Dục biểu thị cho công đức Thập địa. “Thập địa, Địa này khai mở đầu tiên”: Đại phàm, Tiểu Thánh bị che lấp bởi Vô minh nên cảnh giới hạn cuộc và hẹp. Nay, vì phá hoại hoặc này nên dùng rộng để biểu thị.

Hai là “Đây đối với Giới”: y cứ mười Độ của Hoa nghiêm để đối với Địa thì Sơ Địa tương đương với Quyền. Văn lược bỏ không nói. Các Địa đã có đủ theo tính chất tương xứng nhau thì mười Độ đều dung nhiếp nhau.

Kế là “Chỉ có Nhục mà nhẫn tắng”: Không bị khuất nhục thì làm sao có thể làm sáng tỏ về sức của nhẫn. Bốn là “Đốc xuất các hạnh”: Đốc tức là thúc đẩy. Các hạnh tức là các Độ. Vì thúc đẩy các hạnh đạt đến quả cùng cực nên lấy toà ngai cao để tượng trưng cho Tinh tấn. Hạnh năm, sáu, bảy, tám, chín đều nhận thấy được. “Mười tùy cấp bậc mà Viên mãn”: Vì hạnh lấy trí làm người dẫn dắt nên tùy theo cấp bậc, vị trí. Các hạnh Viên mãn từng phần là do căn cơ chúng sinh đầy đủ. “Chú v.v...”. Nên nói về tướng trạng của triển khai và qui nạp của sáu độ và mười độ. Nhưng, Độ thứ sáu có cả cả Đại và Tiểu, còn độ thứ mười thì chỉ ở Đại thừa. “Mười độ”: Vì ở trong Thiền có Nguyên trí lực nên mở ra thành Nguyên độ. Có thông lực của thiền nên mở ra Lực độ. Căn bản định thiền giữ Thiền độ gốc. Bát-nhã có trí Đạo chủng nên thành phương tiện độ có trí Nhất Thiết chủng nên mở ra thành Xuất Trí độ. Trí Nhất thiết giữ tên gọi Bát-nhã gốc.

Kế là “Lại nữa v.v...” trở xuống là Ngang, biểu thị cho công đức của một Địa như sau:

- Nói chung về công đức của một Địa, gồm có:

- Y theo Sơ địa, có:

Một là mở bày chung.

Hai là “Kỳ v.v...” trở xuống là nói bày riêng, có mười:

- “Nhà sạch” là biểu thị cho trí, là có:

Một là nói về công năng của ấm, vì căn phòng có khả năng che đậy nên biểu thị cho năm ấm. Muốn làm sáng tỏ tướng của Trí thì phải hiểu rõ về ấm. Vì đạt được Trung với ấm nên “Không cả hai” hai bên. “Không làm v.v...” trở xuống là giải thích về Tự nhiên: Trí của Trung

chẳng bị trói buộc bởi hai bên là do loại trí này không tạo ra hai bên. Vì vậy, giác tánh xưa nay hiện tiền một cách tự nhiên. “Không được v.v...” trở xuống là giải thích về rộng: Chỉ có một mảy may sở đắc là bị hạn cũ và hẹp. “Không trực tiếp v.v...” trở xuống là giải thích về sự trang nghiêm: Trí của Tiểu thừa vô thường, chỉ lia sai lầm mà thôi, cuối cùng vẫn trở về với sự tro tàn và đoạn diệt. Sự giác ngộ của Đại thừa vốn có vô số công đức, tự nhiên được trang nghiêm.

Hai là “Sự của trang nghiêm tức v.v...” trở xuống là giải thích về thể tướng của ba thứ trí. Căn phòng biểu thị cho Nhất tâm, sáu chữ “Tự nhiên, quảng bác, nghiêm sự” biểu thị cho ba thứ trí mới bắt đầu tu tập Viên mãn, ngày nay mới giác ngộ tức khắc và thấu suốt.

Kế là “Màu xanh của trời v.v...” trở xuống là “Không gian châu báu” là biểu thị cho cảnh, có:

Một là Biểu thị trực tiếp về ba đế.

Hai là “Nhất địa v.v...” trở xuống là nói lên cả Viên dung, chính là: Một địa ở trong phòng có ba tướng này để biểu thị cho cảnh cao siêu. Ba và một tức nhau: Hành giả nên biết danh của Trí thuộc Đế là khác nhưng thể của chúng là giống nhau. Vì muốn làm sáng tỏ về sự tu chứng nên gương kiến lập chủ thể và đối tượng.

Ba là “Có mâu nhiệm v.v...” trở xuống “Diệu hưởng” biểu thị cho Từ bi. Cảnh và trí của Nhất tâm có thể cho và nhờ tức gọi là Từ bi. Cảnh và Trí cao rộng, cho và nhờ tương xứng. Vì vậy, khiến cho Từ bi Dục thì cao, mà Ngang thì rộng. Cả ba đều không khác nhau nên thường hiện hữu khắp trong ba khoa của tất cả chúng sinh.

Bốn là “Cái phòng v.v...” trở xuống là giải thoát. Tịnh tức là Bát-nhã. Vì ba thứ đức có đủ tính chất hỗ tương. Vì là chỗ y cứ, dựa nương rớt ráo của Phật nên dùng chỗ ngồi để biểu thị.

Năm là “Có bốn v.v...” trở xuống là “tòa ngời của Phật v.v...” biểu thị cho Giác trí vốn có bốn đức, tức là ba trí dùng để làm tòa ngời. Tu được bốn đức tức là ba trí dùng đó làm chủ thể ngời. Vì vậy, dùng Đức Phật để biểu thị.

Sáu là “Phóng lớn v.v...” trở xuống là phát ra ánh sáng v.v...” là biểu thị cho Tự và Tha: Vì, ánh sáng chiếu soi vùng đất này tức là thường chiếu soi vùng đất khác. Nó có thể dùng để biểu thị cho việc tự thực hành và giáo hóa các chúng sinh khác.

Bảy là “Mưa các v.v...” trở xuống đến “Mưa hoa v.v...” là biểu thị cho Bốn biện. Tri giải được tất cả ngữ ngôn Đà-la-ni, dùng Pháp, Nghĩa, Từ và Nhạo thuyết để phân biệt. Một và Nhiều bàn luận một cách dung

niếp, từ bi rót vào vô tận, không ai nghe mà không vui mừng, dùng hoa để biểu thị. Vì tánh của Văn tự vốn lia nên mưa trong hư Không. Giải thích như thế mới có thể mở bày về diệu lý.

Tám là “Làm trời v.v...” trở xuống đến “Niềm vui của trời v.v...” là biểu thị cho Bốn nhiếp: Bố thí, ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự. Bốn thứ này nhiếp hữu tình cũng như nhã nhạc làm người khác vui thích.

Chín là “nhân của trời v.v...” trở xuống đến “Nhân niềm vui v.v...” là biểu thị cho niềm vui của Pháp. Nhất tâm ba trí, chính nơi vắng lặng mà là chiếu soi, không có pháp nào không biết. Ở đây nói là thanh sạch hóa thân tính, thọ nhận niềm vui của Nghĩa thiên.

Mười là “Căn thiếu v.v...” trở xuống đến “Căn đầy đủ” là nói lên sự dùng đầy đủ theo tính chất hỗ tương: Vì đã phân chia và phá bỏ nghiệp thức, chuyển thức và hiện thức nên thấy, nghe, hay và biết, mỗi căn đều có đủ.

Kế là “Sơ địa v.v...” trở xuống là khen ngợi chung về sự không cùng tận của công đức Pháp tánh. Vì Địa này tương xứng với đức sáng tỏ của Pháp tánh nên khiến chư Phật chẳng thể nào nói hết được. “Mười tướng của Chỉ”: Là do nhà chuyên về kinh nêu lên đại khái. “Ngạnh giới”: Giới ( ) nên viết là khái ( ). Đó là sự nhầm lẫn của âm thanh. Nói Ngạnh khái tức là nói là sơ lược.

Kế là “Sơ địa v.v...” trở xuống là theo mô thức của các Địa khác. Từ đây đến Cửu địa, Địa nào cũng giống như vậy. Nhập ngang vào Dục, không có Dục nào không là Ngang.

Hai là “Lại nữa v.v...” trở xuống là nói riêng về Tự và Tha của một Địa, có:

- Y theo Sơ địa, có hai:

Một là trình bày sơ lược: Công đức của việc tự thực hành là nhân quả của sự thực hành. Công đức của sự giáo hóa người khác tức là chủ thể và đối tượng thuộc về việc giáo hóa người khác. Điều này giống với ý của Mười mầu nhiệm trong kinh Pháp Hoa.

Hai là “Căn phòng của v.v...” trở xuống chính là biểu thị, có hai:

Một là năm thứ trước biểu thị cho việc tự thực hành. Nếu phối hợp năm loại này với mười mầu nhiệm thì: Pháp thân là mầu nhiệm của Cảnh, Bát-nhã là mầu nhiệm của trí, giải thoát là mầu nhiệm của hạnh, Nhân thành là mầu nhiệm của Vị, thành Phật là mầu nhiệm của ba pháp. Đó là nhân quả của việc tự thực hành. Nếu Cảnh, Trí và Hạnh đối với Lý tánh v.v... trụ ở ba loại chính ở trước thì ở đây là y theo sự gắng gượng để y theo tu mà so sánh theo nguyên tắc riêng. Nếu nói về

thể của pháp thì vị trí chân thật vốn không thiếu sót.

Hai là năm thứ sau biểu thị cho sự giáo hóa người khác. Ý luân soi xét căn cơ tức là mâu nhiệm của Cảm và Ứng. Khẩu luân là sự mâu nhiệm của nói pháp. Thân luân là sự mâu nhiệm của thần thông. Lại nữa, “Biểu thị v.v...” trở xuống là được niềm vui của trời, căn thiếu hay đầy đủ đều đã chuyển được chướng nạn nên sẽ so sánh chung với hai thứ mâu nhiệm là quyền thuộc và lợi ích. Đây là chủ thể và đối tượng thuộc sự giáo hóa người khác.

Hai là “Sơ địa v.v...” trở xuống là y theo lệ chung của các Địa khác.

Hai là “Từ một v.v...” trở xuống là hiện tượng chung, có hai:

Một là biểu thị có cả việc không hiểu về ý. “Nói ý sơ lược”: Vì chỉ nằm tại mười nghĩa. “Ý rộng”: Vì ngôn từ “tất cả” vốn bao gồm tất cả.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là y cứ theo văn để biểu thị chung:

Kế là Bao gồm. “Mười pháp giới”: Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba pháp ấy đều có đủ trong con người. Sự đầy đủ tuy không khác nhau, nhưng xét về Mê và Ngộ thì có khác nhau. Phật đã chứng ngộ trong lúc tâm và chúng sinh đang ở trong mê tối. Toàn là mê tối thì gọi là mười cõi thuộc phạm trù Lý tánh. Tín thuyết thì gọi là mười cõi thuộc phạm trù danh tự. Niệm niệm thể đại thì gọi là mười cõi của quán hạnh. Sáu căn chiếu soi khắp nơi gọi là mười cõi thuộc Tương tự. Chứng mười khởi ứng gọi là Thập giới của rốt ráo. Tâm ta hợp với Thể và Dụng mười cõi của Phật, cũng thấy mười cõi của chúng sinh đồng với Phật. Đó là nay biểu thị cho nghĩa của mười cõi thuộc phạm vi quả nhưng không tan tác nên thứ kiến giải này mà chỉ nói rằng “tất cả bao gồm cả mười cõi”. “Ba thứ thế gian”: tức là Giả, Thật và Y-Báo.

Chấp thật thành giả, danh tự khác nhau tức là chúng sinh thế gian. Sắc và Tâm của thật pháp bị chấp có sự gián cách tức là năm ấm thế gian. Chỗ nương dựa của chánh báo, sự khác nhau của y báo tức là cõi nước thế gian. “Chưa từng có” là phần chứng bản thuộc mười, chia ra mười tích. Tuy được viên dung nhưng nếu so với quả cùng cực thì sự khác nhau giữa sáng và tối là rất nhiều. Như kinh Hoa Nghiêm nói rằng “Công đức mà vị Bồ-tát Quán đảnh đạt được là như một nắm đất. Công đức của bậc Diệu giác thì như đất của bốn châu”. Vì vậy, nhân tròn đầy, Lý sáng tỏ. Nào là Tự, nào là Tha, ba mươi loại thế gian, mỗi thế gian đều rốt ráo thanh tịnh, đều tự tại chưa từng có. “cõi nước v.v...”

trở xuống là phối trí ba loại thế gian để với ba đức mà theo nghĩa thì lại tiện lợi. “cõi nước v.v...”: là Mê, giả và Thật đã y theo cõi nước. Về quả thì trí và đoạn hoàn toàn y theo Pháp thân. Vì vậy, y theo cõi nước để nói về sự tròn đầy của Thật tướng. “Chúng sinh v.v...”: Thích luận nói “Chúng sinh vô thường là Phật”, Phật dịch là Giác. Thủ giác là Không của Người, Chung giác là Không của Pháp. Vì vậy, đối với thế gian thuộc chúng sinh để nói về sự tròn đầy của Bát-nhã. “Năm ấm v.v...”: Thích luận nói: “Pháp vô thường là Niết-bàn”. nhân diệt loại sắc này mà gạt hái được loại Sắc thường hằng”. Thọ, Tưởng, Hành và Thức cũng giống như vậy. Hai thứ chấp đã hết, năm ấm được tự tại. Vì vậy, đối với thế gian thuộc năm ấm mà nói về sự tròn đầy của giải thoát. Dùng ba so sánh với ba. Chúng ta nên biết về ý ấy. Vì đối với ba thứ đức thì nêu một loại chính là ba loại. Làm sáng tỏ một loại thế gian trong ba thế gian đều tròn đầy, cùng khắp, dung nhiếp theo tính chất tương hỗ. Nay y theo thiên mục mà loại suy ra rất dễ biết. “Thật tướng là căn bản”: Thật tướng không có tướng, quả cùng cực đều là hoàn toàn mất đi tướng trạng. Vì vậy mà gọi là Tự tha của Thật tướng tròn đầy.

Kế là “Theo Tín v.v...” trở xuống là Tựa của nghi thuộc về sự mặc niệm, có hai:

Một là phân văn.

Hai là “Hoan hỷ v.v...” trở xuống là tùy theo văn để giải thích, có hai:

Một là Hoan hỷ do thấy tướng.

Hai là “Theo đến v.v...” trở xuống là trình bày về nghi ngờ của mặc niệm, có ba:

Một là nói về ý của nghi: Chứa nghi mà bất đẳng, sợ rằng sẽ thành Nghi cái.

Hai là “Niệm thích v.v...” trở xuống là chỗ nghi của chính thức đẳng. Tất cả công đức đều y cứ theo tuổi thọ mà được đình trụ. Tuổi thọ của thân đã ngắn thì các loại đức làm sao đình trụ được. Vì vậy tất cả đều không nghi chỉ nghĩ nhớ về tuổi thọ ngắn. Sự che đậy không đẳng này chẳng thể nào giải quyết được.

Ba là “ba nhưng v.v...” trở xuống là nói về ý nghĩa mặc niệm. Vì uy đức, tôn quý nên im lặng. Vì cầu giải quyết điều nghi nên nghĩ nhớ (niệm). Dựa vào trước thì sẽ thấy được.

Kế là “Theo người v.v...” trở xuống là tựa của chính thức nghi, như sau:

Một là phân văn.

Hai là “Nghĩ cái v.v...” trở xuống là y theo văn giải thích, lại có:  
- Chính là làm dứt nghĩ, có ba:

Một là ý của sự dứt nghĩ. “Nghĩ cái che tâm”: Trong số năm cái thì Nghĩ cái có cái khác nhau làm che đậy Thiên và Tuệ. Vì sao phải dự phòng làm cho đình chỉ? Bởi nếu chưa giải trừ thì lúc tâm hợp sẽ dẫn đến nghĩ ngờ. Đã thấy được uy đức, tôn quý thì đó là nơi để giải quyết điều nghĩ. Nếu vẫn chấp chặt niệm nghĩ thì khó khai mở được quán tuệ. Vì vậy, cần phải dứt niệm nghĩ, lắng tâm để nhận pháp. “Chẳng hạn như v.v...”: Nghĩ là kiến hoặc, thường che chướng Chân-đế. Dứt nghĩ, thấy đạo mới tiến bước để tu tập về chân được. Nghĩ về đàng của Tín Tướng có thể là Quyền, có thể là Thật. Đức Phật làm dừng mọi nghĩ thì khiến cho cả Tự và Tha đều được lợi ích.

Hai là từ “Người v.v...” trở xuống chính là làm dứt Nghĩ, có ba:

Một là đại dụng không thích ứng: tuổi thọ tám mươi là toàn thể pháp giới khởi đại dụng để ứng với chúng sinh. vì vậy, chúng ta không nên lấy sự ngắn hạn của Định để nghĩ ngờ.

Hai là pháp tánh không thích ứng: Biến tánh mà Đức Thích-ca chứng đắc là vô cùng sâu xa. Lẽ nào người học lại đem tâm suy niệm thuộc ngắn dài để so lường?

Ba là Trí độ không thích ứng: Hai thứ Chân tín và Chân trí đều có khả năng biết và khả năng chứng. Người nay chưa có đủ thì không nên so lường. Ba việc không nên này là y theo ba thân mà làm thành ý của dứt. Cũng có thể hai không nên đấm trước là y theo đối tượng được suy nghĩ mà dứt, một không nên cuối là y theo chủ thể suy nghĩ để dứt.

Kế là “Thích luận v.v...” trở xuống là dẫn chứng để kết: Tất cả các pháp mà Đức Phật có được đều là Vô lượng. Nếu chúng ta dùng tâm suy lường để cân đong đo đếm các pháp của Phật thì chắc chắn sẽ bị che chắn và chìm đắm nơi biển nghĩ ngờ. Vì vậy, bốn Đức Phật dùng ba điều không nên để dứt niệm nghĩ của người nghe.

Kế là “dùng cái gì v.v...” trở xuống là giải thích về việc dứt nghĩ ngờ như sau:

- Giải thích về “Không nên thuộc pháp tánh”, có hai:

Một là nói về tám chúng nhiếp Bồ-tát: Tuy kinh đã nêu rõ ràng về tám chúng, nhưng vì thiếu Bồ-tát nên y theo Sinh, Pháp, Quyền, Thật để chỉ bày về vấn đề đó. “Vùng đất Pháp tánh”: Tức là Phương tiện và Thật báo. Vì đã không ở đó nên tồn tại ở ngôn ngữ.

Hai là “Nếu, Phạm v.v...” trở xuống là nói về vấn đề không nên so lường tánh: Chỗ mà Như Lai đi là pháp tánh sâu rộng. Nơi ấy còn

vượt hẳn chỗ đi thanh tịnh của Bồ-tát, hướng chi là phạm phu và Tiểu thừa mà lại cân đo, đong đếm được sao!

Kế là “Chỉ trừ v.v...” là giải thích về “không nên thuộc Trí độ”, có hai:

Một chính là giải thích về sự giáng sinh của Phật khó so lường. Chỉ có Đức Phật và Phật mới xét mét cùng tận, trí thuộc về nhân làm sao biết được?

Hai là “Xưa dùng v.v...” trở xuống là chỉ bày về pháp được Đức Phật biết, có hai:

Một là xưa giải thích có thể biết cho nên là vô thường. “Nói lời ấy”: Chỉ trừ câu “Như Lai”. Thọ lượng đã là đối tượng được nhận biết của trí thì đó là pháp có thể suy tư nên chúng ta nghiệm ra rằng nó là vô thường.

Hai là “Thiên thai v.v...” trở xuống là nói về sự giải thích của ngày nay: Trí của thường hằng biết được thường hằng. “Vô lượng thường trí”: Hoàn toàn không biết mới là biết đầy đủ. Loại biết này xứng hợp với tánh thể, vì toàn trí của Bản mà thành trí của Phật. Nếu đã biết về bản tánh thì tánh há lại là Vô thường. Vì các Sư thời xưa không hiểu nên cho rằng có biết là trí Phật.

Kế là “Trí tánh v.v...” trở xuống là khiến cho biết về đại dụng theo nguyên tắc tử giáo: Cái trí của sự không biết đã thâm hợp với pháp tánh thì dụng căn bản của pháp tánh phát hiện đầy đủ. Hiện dài hay ngắn gì cũng đều gọi là tuổi thọ thường hằng. Vì là toàn tánh nên kinh giải thích là trí của tánh. “Lược về đại dụng”: cho là có thể hiểu.

Kế là từ “Thời v.v...” trở xuống là nói về nhóm hợp chúng, gồm có:

- Chính là giải thích văn kinh, có hai:

Một là đối với trước và sau của kinh khác.

Hai là “Thời ta v.v...” trở xuống là y theo kinh ngày nay để giải thích, lại có:

- Chính là nói về chúng của thất này, có hai:

Một là giải thích sơ lược về Thời, Chúng.

Hai là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là nói về ý của sự nhóm hợp chúng: Tức tuổi thọ tám mươi tuổi làm sáng tỏ về sự thường hằng của ba thân. Lẽ nào chỉ ích lợi cho một mình Tín Tướng mà thôi ư? Vì vậy, Đức Phật dùng thần lực để nhiếp những người có duyên khiến họ nghe về Viên và Thường mà đạt được ích lợi của bốn Tất-đàn. Nói chỗ lợi ích nhiều thì lẽ nào chỉ có một thất. Chúng này sau khi nghe liền giảng



nói tại chỗ.

Kế là “Chúng, có v.v...” trở xuống là nói về chúng của kinh này: Chính thức nói về căn phòng này có đủ bốn chúng. Phụ thêm câu “Các phẩm đều có bốn chúng”, có ba:

Một là nói về kinh này có đủ bốn chúng: “Chúng ảnh hưởng”, tức là chư Phật và pháp thân Đại sĩ thuở xa xưa ẫn sự chứng đắc tròn đầy, cùng cực của mình để giúp cho việc giáo hóa của Đức Phật, làm bạn, thờ phụng chủ như ảnh bóng theo hình, tiếng dội tùy theo âm thanh. Danh và nghĩa của bốn chúng được nói đầy đủ trong Pháp hoa sơ.

Hai là “Kinh này v.v...” trở xuống là nói về vấn đề chúng trong kinh này giống như các kinh khác. Sự nhóm họp trời rồng trong kinh này nào khác với Hoa Nghiêm. Ở bản dịch mới, phẩm này có nói rằng “Vô lượng chúng Bà-la-môn”. Lại nữa, ở phẩm Sám hối, Tín Tướng ra khỏi thành cùng vô lượng, vô biên trăm, ngàn chúng sinh đều đến Linh thứu lễ nào đều là quý thân? Vì lẽ đó, chúng ta nghiệm ra rằng sự tập trung chúng của kinh này giống như các kinh khác.

Ba là “Cùng thừa sự v.v...” trở xuống là làm dứt sự giải thích hạn cực của thường tình. Lễ nào chúng ta lại lấy sự kiện sơ lược trong văn của bản dịch xưa về phẩm này mà quy kết ngay rằng chỉ nhóm họp chúng trời, rồng thôi ư?

Kế là “Điềm lành chung v.v...” trở xuống là giải thích về ích lợi của pháp trong kinh bộ, có hai:

Một là khác với Pháp Hoa thuộc hệ Phương Đẳng. Tất cả thế gian hợp lại bao gồm mười cõi, không hề có việc mà đều đã hiện ra đầy đủ. Hợp với mười cõi đều làm sáng tỏ ba đức. Vậy mà, Đức Phật lại chưa trao lời thọ ký cho Nhị thừa. Qua đó, chúng ta nghiệm ra rằng chưa thể giống với bộ Pháp Hoa. “Chỉ y theo Thông giáo đối với lợi căn”: Nói về đặc tính Thường của ba thứ thân, giải thích về Pháp tánh của Viên, cùng với hai thứ bờ của chúng mà bàn luận về sự không khác của Viên. Đã là tựa đề đầu tiên của kinh nên không nêu tên Bát-nhã. Hai chỗ trong bộ tương xứng với cái tên Phương đẳng. Vì thế, sự phán giáo của ngày nay là thuộc về Phương đẳng. “Mà trong bộ này có được lợi ích của Viên”: Tự đối với mười cõi, chứng đắc một cách mâu nhiệm về tâm y. Cũng được gọi là việc chưa từng có. Tất cả đều xuất hiện đầy đủ.

Hai là “Trong này v.v...” trở xuống là phải dựa vào giới để làm sáng tỏ sự lợi ích của chúng. “Bốn câu của giới”:

Một là Thừa và giới đều gấp.

Hai là Thừa và giới đều thư thả.

Ba là Thừa gấp rút còn giới thì thư thả.

Bốn là Thừa thư thả còn giới thì gấp rút. Trước là, hành giả phải nhận biết về thể tướng của Thừa và giới. Lại nói về mười loại Giới và chỉ giữ lấy không thiếu, không phá, không xuyên và không tạp. Bốn thứ Giới này tuy chia ra Định và Tán nhưng tất cả đều là nhân của người, trời, là giới của nay. Bất thủ, Tùy đạo, Vô trước, Trí sở tán, Tự tại, tùy định cụ túc. Vì sáu thứ này tuy gọi là giới nhưng thể là ba thứ quán nên tự thân của chúng thuộc về Thừa. Đối với Thừa thì nói về năm thừa nhưng chẳng lấy người và trời. Vì hai thứ người và trời tuy gọi là Thừa, không động không xuất, nhưng thể của chúng là Thiện, là Sự thuộc Hữu lậu, nên thuộc về Giới. Chỉ lấy ba thừa bao gồm cả bốn thứ giáo. Đó là vì tuy đi vào Lý có chia ra sâu cạn nhưng cả ba thừa ấy đều khuấy động phiền não, ra khỏi sinh tử nên được gọi là thừa. Nay dùng bốn thứ giới để so sánh với ba thừa, luận bàn về tính chất gấp rút và thư thả để tạo thành bốn câu. “Cả Thừa và Giới đều gấp rút”: Tức là người và trời ngày nay đang đến nghe Pháp. “Cả Thừa và Giới đều thư thả”: tức là các rồng, quỷ nhóm họp theo quan điểm ngày nay. “Thừa thư thả còn Giới thì gấp rút”: tức là theo quan điểm của ngày nay, các vị trời chấp đắm niềm vui, loài người ưa thích tình dục v.v... “Không dự trừ điều ấy”: Điều là loại của chúng. Lại phải biết rõ. “nhóm họp ngày nay”: Tuy nói rằng Thừa gấp rút nhưng Thừa vốn có Quyền và Thật. Kể đời trước tu tập gấp rút đối với Tạng và Thông thì nay ở trong căn phòng mà nhìn thấy sự khác nhau của các Đức Phật trong số bốn Đức Phật và chỉ thấy Phật thuộc Ứng hóa. Dẫu có nghe nói về sống lâu đi nữa rồi cũng phải trở về tro tàn, diệt tận. Sau khi diệt rồi thì không sinh nữa. Nếu là người đời trước tu tập gấp rút về Biệt và Viên thì nay thấy cả bốn Đức Phật đều là thân tôn đặc, một thân, một trí. Nghe núi, rìu v.v... tuy là tuổi thọ của Ứng nhưng họ vẫn biết rằng đó chính là Pháp thân và Báo thân. Ba thân và một thân khó mà nghĩ bàn được gọi là thấy thân thường hằng. “Quyền, Thật v.v...”: trong chúng sinh thuộc bốn thứ gấp rút và thư thả ấy có kẻ là thật hạnh, có người là thị hiện theo nguyên tắc Quyền. Quyền có khả năng dẫn ra Thật để làm hạt giống nóng tho-át, nhân duyên gần xa. Cho nên nói là “Các việc”. “Ghi riêng”: Tức là Pháp Hoa sơ, Tịnh danh sơ và Chỉ quán. Nay y theo những lời “Ghi riêng” ấy mà chú thích rằng: “v.v...”. Ba là “Cùng loại đó v.v...” trở xuống là phán thuộc về đoạn lời tựa.

